TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 76/2022/ HNGĐ - ST Ngày: 21/9/2022 *"V/v: Tranh chấp ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Hạnh

2. Ông Hạng Minh Thu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 174/2022/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 *(có mặt tại phiên tòa)*

Nơi cư trú: Tổ 16, phường N, TP Bắc Cạn.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986 *(có mặt tại phiên tòa)*

Nơi cư trú: Tổ 8, phường T, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị A, sinh năm 1963 ; Nơi cư trú: Tổ 2, phường T, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên *(có đơn xin vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Tôi và chị N kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn. Vợ chồng sống với hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ tôi ngoại tình, không chăm lo cho gia đình, tôi thì đóng quân ở xa

nên vợ chồng tình cảm ngày càng xa cách. Từ khoảng năm 2020 đến nay vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay tôi thấy rằng hôn nhân không hạnh phúc không hạnh phúc, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 08/02/2014 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/10/2008. Khi ly hôn tôi xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị N đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết bị đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Tôi và anh H kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn. Vợ chồng sống với hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên say rượu đánh chửi vợ con, ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ cuối năm 2019 đầu năm 2020 đến nay vợ chồng tôi không còn sống chung, anh H sống tại tỉnh Bắc Cạn, còn tôi sinh sống tại TP Thái Nguyên. Tôi cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 08/02/2014 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/10/2008. Khi ly hôn tôi xin nuôi cháu Dương, để anh H nuôi cháu Hoàng. Tôi không yêu cầu đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị A trình bày:

Tôi là người quen của anh H và chị N. Năm 2018 vợ chồng anh H có vay của tôi số tiền 18.000.000 đồng, nay đã trả được 9 triệu đồng, số tiền còn nợ là 9 triệu đồng. Nay tôi đề nghị Tòa án buộc anh H và chị N có trách nhiệm trả số nợ trên cho tôi.

Ngày 24/8/2022, bà A xin rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu vợ chồng anh H chị N trả số tiền 9.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung và phương án giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị N, giao con chung là Nguyễn Huy H cho anh H nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Ánh D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên

không đặt ra xem xét; Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Và buộc anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Tuyết N. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung vụ án.

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 23/05/2008, của UBND thị trấn thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn. Hội đồng xét xử xét thấy anh Hảo và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng vì công việc phải sống xa nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Cả hai bên đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đặc biệt từ khoảng năm 2020 đến nay hai bên không có tiếng nói chung, mỗi người sống một nơi. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay cả hai bên đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Anh H xin ly hôn, chị N đồng ý ly hôn. Từ đó Hội đồng xét xử đánh giá thấy có cơ sở xác định cuộc hôn nhân giữa anh H và chị N không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn hôn nhân vợ chồng có Nguyễn Ánh D, sinh ngày 08/02/2014 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/10/2008. Quá trình giải quyết anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con, chị N có nguyện vọng được nuôi con cháu Dương.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh H là bộ đội, đang làm việc, sinh sống ổn định tại huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn. Cháu Hoàng là con trai đang sống với bố và học tập tại thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông. Chị N là giáo viên mầm non, đang sinh sống làm việc tại phường T, TP Thái Nguyen. Cháu Dương là con gái đang sống với mẹ và học tập tại trường Tiểu học T. Xét về tâm lý, sinh lý và đảm bảo điều kiện học tập ổn định, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi ly hôn cần giao cháu Hoàng cho bố, giao cháu Dương cho mẹ nuôi dưỡng, điều này cũng

phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Sau khi ly hôn chị N và anh H đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đối với hai con chung, không ai có quyền cản trở. Do mỗi bên có trách nhiệm nuôi dưỡng một con chung, bản thân anh H và chị N cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản chung: Các đương sự đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung. Bà Trần Thị A có đơn yêu cầu độc lập đề nghị giải quyết buộc anh H và chị N trả nợ bà số tiền 9.000.000 đồng là nợ chung vợ chồng vay năm 2018. Tuy nhiên ngày 24/8/2022 bà A có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Xét thấy việc rút đơn của bà A là tự nguyện, không trái pháp luật do đó Hội đồng xét xử định chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà A được hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được về số nợ trên, có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc khác.

[2.4] Về án phí: Trong vụ án này anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 147, 201, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

***Tuyên xử*:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Tuyết N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 08/02/2014 cho mẹ là chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/10/2008 cho bố là anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H và chị N có quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. *Tài sản chung, nợ chung*: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị A. Trường hợp có tranh chấp bà A có quyền khởi kiện trọng vụ án khác.

1.5. *Án phí*: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 0001072 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).

Bà Trần Thị A được hoàn trả số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000020 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Báo cho anh H và chị N biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tuyên án. Bà A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND TP Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND nơi đương sự cư trú;
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan